

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày 30/6/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Pep Êban;
2. Ông Nguyễn Đình Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 02/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A, chức vụ: Phó phòng Giao dịch C – Có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang H, sinh năm 1978 – Vắng mặt;
Bà Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1983 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Kiều O, sinh năm 2002 – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O: Ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/6/2017). (Ông H vắng mặt, bà Q có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A trình bày:*

Ngày 05/6/2017, Ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q có vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0486/2017/HĐCTD/CK của Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với tiền gốc là 150.000.000 đồng. Đến ngày 05/6/2019, ông H và bà Q vay lại theo Hợp đồng cho vay số LD1915000189 với số tiền trên, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 11.2%/năm, phương thức trả nợ gốc đến hết ngày 05/6/2020, mục đích vay để bổ sung vốn chăm sóc cà phê, hồ tiêu.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 06/06/2017 ông H và bà Q có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0486/2017/TC/CK để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY962271 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/5/2017 đứng tên hộ ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 46, diện tích 6552m², địa chỉ thửa đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình vay vốn cho đến nay, ông H và bà Q đã trả cho Ngân hàng được 7.100.000 đồng tiền lãi. Hiện nay ông H và bà Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 187.445.708 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*); Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng. Hiện khoản tiền trên đã quá hạn từ ngày 16/12/2020.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q phải trả tổng tiền vay 187.445.708 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông H và bà Q không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ Q:*

Bà Q đồng ý với nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H và bà Q thanh toán tổng tiền vay là 187.445.708 đồng; Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà đồng ý trả nợ.

Vì điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn và làm ăn thua lỗ, bà Q muốn giao toàn bộ tài sản trên để Ngân hàng phát mãi. Do ông H không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi số tài sản trên, nên bà Q không thể trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng.

** Đối với bị đơn ông Trần Quang H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kiều O:* Ông H và chị O đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng ông H và chị O cố tình lẩn tránh không đến Tòa để tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông H và chị O được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Quang H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kiều O vắng mặt không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc tranh luận.

- Về nội dung:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 187.445.708 đồng; Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2021 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Quang H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kiều O sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét Hợp đồng cho vay số LD1915000189 ngày 05/6/2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch C với ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng nói trên thì Ngân hàng cho ông H và bà Q vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Ông H và bà Q đã trả được cho ngân hàng 7.100.000 đồng tiền lãi. Hiện ông H và bà Q còn nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 187.445.708 đồng; Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng.

Do ông H và bà Q đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và cần chấp nhận và cần buộc ông H và bà Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 187.445.708 đồng; Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng. Kể từ ngày 01/7/2021, ông H và bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0486/2017/TC/CK ngày 06/6/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là ông H và bà Q, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY962271 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/5/2017 đứng tên hộ ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 46, diện tích 6552m², địa chỉ thửa đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nên tài sản thế chấp trong hợp đồng này cần phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ của bên vay là ông H và bà Q.

[4]. Sau khi ông H và bà Q trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà Q Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY962271 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/5/2017.

[5]. Trong trường hợp ông H và bà Q không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 187.445.708 đồng x 5% = 9.372.285 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp là 4.334.256 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 299, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 500 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S với tổng số tiền là 187.445.708 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*); Trong đó, tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 37.445.708 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2021, ông H và bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Sau khi ông H và bà Q trả xong nợ gốc và lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà Q Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY962271 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/5/2017.

3. Trong trường hợp ông H và bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY962271 do Ủy ban nhân dân huyện

K cấp ngày 16/5/2017 đứng tên hộ ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ 46, diện tích 6552m², địa chỉ thửa đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

4. Về án phí:

4.1. Ông Trần Quang H và bà Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu 9.372.285 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 4.334.256 đồng (*Bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0017568 ngày 18/3/2021.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ-TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn